

DANH MỤC ĐIỀU CHUYỂN TÀI SẢN CÔNG  
TỪ CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM SANG CHI CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ DÂN SỐ  
(Kèm theo Quyết định số:       /QĐ-SYT ngày        tháng 04 năm 2025 của Sở Y tế tỉnh Kon Tum)

| STT                       | Tên TSCĐ / CCDC                                              | Chủng loại | Năm đưa vào sử dụng | Đơn vị tính | Số lượng | Diện tích (m2) |                           | Giá trị theo sổ sách kế toán (đồng) |                                     | Mục đích sử dụng hiện tại | Ghi chú |
|---------------------------|--------------------------------------------------------------|------------|---------------------|-------------|----------|----------------|---------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|---------------------------|---------|
|                           |                                                              |            |                     |             |          | Đất            | Diện tích sàn sử dụng nhà | Nguyên giá                          | Giá trị còn lại đến ngày 31/12/2024 |                           |         |
| (1)                       | (2)                                                          | (3)        | (4)                 | (5)         | (6)      | (7)            | (8)                       | (9)                                 | (10)                                | (11)                      | (12)    |
| <b>A. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH</b> |                                                              |            |                     |             |          |                |                           | <b>7.667.428.000</b>                | <b>4.418.059.462</b>                |                           |         |
| <b>I</b>                  | <b>TRỤ SỞ LÀM VIỆC</b>                                       |            |                     |             |          |                |                           | <b>5.605.897.000</b>                | <b>4.302.834.462</b>                |                           |         |
| 1                         | Đất tại địa chỉ                                              |            |                     |             |          |                |                           | <b>3.748.500.000</b>                | 3.748.500.000                       |                           |         |
| 1.1                       | Số 236 (số cũ 215) Trần Khánh Dư - Kon Tum                   |            |                     |             | 1        | 630,0          |                           | 3.748.500.000                       | 3.748.500.000                       |                           |         |
| 2                         | Nhà                                                          |            |                     |             |          |                |                           | <b>1.720.397.000</b>                | <b>540.624.462</b>                  |                           |         |
| 2.1                       | Nhà làm việc khu A (2 tầng trước)                            | IV         | 2006                | m²          | 1        |                | 324,72                    | 593.262.000                         | 236.945.275                         |                           |         |
| 2.2                       | Nhà làm việc khu B (2 tầng sau)                              | IV         | 2010                | m²          | 1        |                | 233,96                    | 910.841.000                         | 218.510.715                         |                           |         |
| 2.3                       | Nhà để xe ô tô                                               | IV         | 2010                | m²          | 1        |                | 17,86                     | 104.000.000                         | 38.429.600                          |                           |         |
| 2.4                       | Nhà bảo vệ                                                   | IV         | 2012                | m²          | 1        |                | 14,80                     | 93.286.000                          | 41.036.472                          |                           |         |
| 2.5                       | Nhà để xe máy                                                | IV         | 2009                | m²          | 1        |                | 44,00                     | 19.008.000                          | 5.702.400                           |                           |         |
| 3                         | Vật kiến trúc                                                |            |                     |             |          |                |                           | <b>137.000.000</b>                  | <b>13.710.000</b>                   |                           |         |
| 3.1                       | Tường rào + cổng                                             |            | 2015                | m           | 326,7    |                |                           | 137.000.000                         | 13.710.000                          |                           |         |
| <b>II</b>                 | <b>Máy móc thiết bị</b>                                      |            |                     |             |          |                |                           | <b>850.381.000</b>                  | <b>101.665.000</b>                  |                           |         |
| 1                         | Bộ Máy Tính Để Bàn DELL Intel Core-i5., màn hình LCD 21,5 in |            | 2023                | Bộ          | 1        |                |                           | 15.000.000                          | 9.000.000                           |                           |         |
| 2                         | Máy tính để bàn FPT màn hình LCD 17                          |            | 2012                | Bộ          | 1        |                |                           | 12.750.000                          | 0                                   |                           |         |
| 3                         | Máy tính để bàn FPT màn hình LCD 17                          |            | 2012                | Bộ          | 1        |                |                           | 12.750.000                          | 0                                   |                           |         |
| 4                         | Máy tính để bàn FPT màn hình LCD 17                          |            | 2012                | Bộ          | 1        |                |                           | 12.750.000                          | 0                                   |                           |         |
| 5                         | Máy tính để bàn FPT màn hình LCD 17                          |            | 2012                | Bộ          | 1        |                |                           | 12.750.000                          | 0                                   |                           |         |
| 6                         | Máy tính để bàn FPT Elead S 879                              |            | 2015                | Bộ          | 1        |                |                           | 13.100.000                          | 0                                   |                           |         |
| 7                         | Máy tính để bàn FPT S883                                     |            | 2017                | Bộ          | 1        |                |                           | 13.000.000                          | 0                                   |                           |         |
| 8                         | Máy tính để bàn VTB                                          |            | 2010                | Bộ          | 1        |                |                           | 10.000.000                          | 0                                   |                           |         |
| 9                         | Máy tính để bàn HP                                           |            | 2022                | Bộ          | 1        |                |                           | 15.000.000                          | 0                                   |                           |         |
| 10                        | Máy tính xách tay hiệu Asus                                  |            | 2018                | Cái         | 1        |                |                           | 13.000.000                          | 0                                   |                           |         |
| 11                        | Máy tính xách tay hiệu Asus                                  |            | 2018                | Cái         | 1        |                |                           | 13.000.000                          | 0                                   |                           |         |
| 12                        | Máy tính xách tay hiệu Asus                                  |            | 2018                | Cái         | 1        |                |                           | 13.000.000                          | 0                                   |                           |         |
| 13                        | Máy vi tính xách tay (Latop Dell )                           |            | 2023                | Cái         | 1        |                |                           | 26.350.000                          | 15.810.000                          |                           |         |
| 14                        | Máy tính Sam sum galaxy book                                 |            | 2018                | Cái         | 1        |                |                           | 13.000.000                          | 0                                   |                           |         |
| 15                        | Máy tính xách tay SONY VAIO                                  |            | 2012                | Cái         | 1        |                |                           | 19.500.000                          | 0                                   |                           |         |
| 16                        | Máy tính xách tay Lanovo YoGa                                |            | 2017                | Cái         | 1        |                |                           | 13.000.000                          | 0                                   |                           |         |
| 17                        | Máy điều hòa nhiệt độ Shsar 1.5 ngựa                         |            | 2014                | Cái         | 1        |                |                           | 10.600.000                          | 0                                   |                           |         |
| 18                        | Máy chiếu Panasonic PT-LB51EA                                |            | 2010                | Cái         | 1        |                |                           | 24.500.000                          | 0                                   |                           |         |
| 19                        | Máy quay phim SONY                                           |            | 2011                | Cái         | 1        |                |                           | 22.000.000                          | 0                                   |                           |         |
| 20                        | Tủ âm vi sinh (gồm 07 chi tiết kèm theo)                     |            | 2018                | Cái         | 1        |                |                           | 208.000.000                         | 62.400.000                          |                           |         |
| 21                        | Tủ đông NASAKY VH 6699W3                                     |            | 2021                | Cái         | 1        |                |                           | 19.800.000                          | 3.960.000                           |                           |         |
| 22                        | Nồi hấp tiết trùng - 50 lít                                  |            | 2018                | Cái         | 1        |                |                           | 77.831.000                          | 0                                   |                           |         |
| 23                        | Máy đo Clorin dư                                             |            | 2017                | Cái         | 1        |                |                           | 19.800.000                          | 495.000                             |                           |         |
| 24                        | Tủ sấy dụng cụ memmer UNB 400 - 53 lít                       |            | 2011                | Cái         | 1        |                |                           | 37.000.000                          | 0                                   |                           |         |
| 25                        | Loa kéo di động                                              |            | 2024                | Cái         | 1        |                |                           | 12.500.000                          | 10.000.000                          |                           |         |

|                           |                                                                      |          |      |       |   |  |  |                      |                   |                      |  |
|---------------------------|----------------------------------------------------------------------|----------|------|-------|---|--|--|----------------------|-------------------|----------------------|--|
| 26                        | Bộ bàn ghế Hội trường (Gồm 10 bàn đơn ghép lại và 32 ghế tựa đầu bò) |          | 2015 | Bộ    | 1 |  |  | 110.400.000          | 0                 |                      |  |
| 27                        | Máy photocopy KONYCA MINOLTA                                         |          | 2015 | Cái   | 1 |  |  | 80.000.000           | 0                 |                      |  |
| <b>III</b>                | <b>Tài sản cố định hữu hình khác</b>                                 |          |      |       |   |  |  | <b>1.166.750.000</b> | <b>0</b>          |                      |  |
| 1                         | Xe máy                                                               |          |      |       |   |  |  |                      |                   |                      |  |
| 1,1                       | Xe máy YAMAHA                                                        |          | 2012 | Chiếc | 1 |  |  | 27.000.000           | 0                 | Phương tiện đường bộ |  |
| 2                         | Xe ô tô                                                              |          |      |       |   |  |  |                      |                   |                      |  |
| 2,1                       | Xe ô tô hiệu FORANGER                                                | Xe 5 chỗ | 2010 | Chiếc | 1 |  |  | 1.139.750.000        | 0                 | Xe chuyên dùng       |  |
| <b>IV</b>                 | <b>Tài sản cố định vô hình (ngoài giá trị quyền sử dụng đất)</b>     |          |      |       |   |  |  | <b>44.400.000</b>    | <b>13.560.000</b> |                      |  |
| 1                         | Phần mềm quản lý tiền lương                                          |          | 2022 | PM    | 1 |  |  | 19.900.000           | 7.960.000         |                      |  |
| 1,1                       | Phần mềm kế toán MIMOSA.NET                                          |          | 2013 | PM    | 1 |  |  | 10.500.000           | 0                 |                      |  |
| 1,2                       | ISO 9001:2015                                                        |          | 2021 | PM    | 1 |  |  | 14.000.000           | 5.600.000         |                      |  |
| <b>B. CÔNG CỤ DỤNG CỤ</b> |                                                                      |          |      |       |   |  |  | <b>364.492.000</b>   |                   |                      |  |
| 1                         | Ghế Giám đốc bằng da - Hòa phát                                      |          |      | Cái   | 1 |  |  | 3.000.000            |                   |                      |  |
| 2                         | Bàn để máy vi tính ván ép (0,8 x 1,2m)                               |          |      | Cái   | 1 |  |  | 1.500.000            |                   |                      |  |
| 3                         | Ghế tựa xoay lớn - Hòa Phát                                          |          |      | Cái   | 1 |  |  | 520.000              |                   |                      |  |
| 4                         | Máy in Brother 2250 DR                                               |          |      | Cái   | 1 |  |  | 3.850.000            |                   |                      |  |
| 5                         | Tủ lạnh Panasonic 262L                                               |          |      | Cái   | 1 |  |  | 7.700.000            |                   |                      |  |
| 6                         | Máy tính để bàn Gigabyte màn huinhf LCD 17                           |          |      | Bộ    | 1 |  |  | 8.900.000            |                   |                      |  |
| 7                         | Bộ bàn ghế Sopha nệm, gồm 1 ghế băng và 2 ghế rời + 2 đôn + bàn kính |          |      | Bộ    | 1 |  |  | 9.800.000            |                   |                      |  |
| 8                         | Bàn để máy vi tính ván ép (0,8 x 1,2m)                               |          |      | Cái   | 1 |  |  | 1.500.000            |                   |                      |  |
| 9                         | Kết sắt loại điện từ có đôi mã                                       |          |      | Cái   | 1 |  |  | 4.200.000            |                   |                      |  |
| 10                        | Điện thoại bàn                                                       |          |      | Cái   | 1 |  |  | 300.000              |                   |                      |  |
| 11                        | Tủ đựng tài liệu 3 ngăn, trên kính dưới gỗ nhóm 3, sơn PU            |          |      | Cái   | 1 |  |  | 8.400.000            |                   |                      |  |
| 12                        | Bàn làm việc giám đốc gỗ, sơn PU                                     |          |      | Cái   | 1 |  |  | 3.500.000            |                   |                      |  |
| 13                        | Tủ đựng tài liệu bằng gỗ kính nhóm 3, sơn PU                         |          |      | Cái   | 1 |  |  | 4.200.000            |                   |                      |  |
| 14                        | Máy vi tính để bàn GIgabyte, màn hình LCD 17                         |          |      | Bộ    | 1 |  |  | 9.800.000            |                   |                      |  |
| 15                        | Điện thoại bàn                                                       |          |      | Cái   | 1 |  |  | 300.000              |                   |                      |  |
| 16                        | Tủ sắt đựng tài liệu, 3 tầng kính, dưới 2 hộc - Hòa Phát             |          |      | Cái   | 1 |  |  | 3.670.000            |                   |                      |  |
| 17                        | Máy in canon LBP 2900                                                |          |      | Cái   | 1 |  |  | 2.300.000            |                   |                      |  |
| 18                        | Bàn để máy vi tính ván ép (0,8 x 1,2m)                               |          |      | Cái   | 1 |  |  | 1.500.000            |                   |                      |  |
| 19                        | Điện thoại để bàn                                                    |          |      | Cái   | 1 |  |  | 300.000              |                   |                      |  |
| 20                        | Máy in Canon 2900                                                    |          |      | Cái   | 1 |  |  | 2.300.000            |                   |                      |  |
| 21                        | Tủ sắt đựng tài liệu 8 ngăn - Hòa Phát                               |          |      | Cái   | 1 |  |  | 3.000.000            |                   |                      |  |
| 22                        | Máy đo nhiệt độ PH/mV/nhiệt độ                                       |          |      | Máy   | 1 |  |  | 9.562.000            |                   |                      |  |
| 23                        | Tủ đựng tài liệu Inox kính 4 tầng (Sơ cấp)                           |          |      | Cái   | 1 |  |  | 7.985.000            |                   |                      |  |
| 24                        | Âm lý Toa A2060                                                      |          |      | Bộ    | 1 |  |  | 7.650.000            |                   |                      |  |
| 25                        | Tủ lạnh Panasonic 342L                                               |          |      | Cái   | 1 |  |  | 9.100.000            |                   |                      |  |
| 26                        | Bàn để máy vi tính ván ép (0,8 x 1,2m)                               |          |      | Cái   | 1 |  |  | 1.500.000            |                   |                      |  |
| 27                        | Máy tính để bàn Gigabyte màn hình LCD Acer 17                        |          |      | Bộ    | 1 |  |  | 9.800.000            |                   |                      |  |
| 28                        | Máy in Canon 2900                                                    |          |      | Cái   | 1 |  |  | 2.300.000            |                   |                      |  |
| 29                        | Điện thoại để bàn                                                    |          |      | Cái   | 1 |  |  | 300.000              |                   |                      |  |
| 30                        | Máy in Canon 2900                                                    |          |      | Cái   | 1 |  |  | 2.300.000            |                   |                      |  |
| 31                        | Tủ sắt đựng tài liệu 6 ngăn - Hòa Phát                               |          |      | Cái   | 1 |  |  | 4.400.000            |                   |                      |  |
| 32                        | Bàn để máy vi tính ván ép (0,8 x 1,2m)                               |          |      | Cái   | 1 |  |  | 1.500.000            |                   |                      |  |
| 33                        | Máy in Brother 2250Dr                                                |          |      | Cái   | 1 |  |  | 3.850.000            |                   |                      |  |

|    |                                                                            |  |  |     |    |  |  |           |  |  |  |
|----|----------------------------------------------------------------------------|--|--|-----|----|--|--|-----------|--|--|--|
| 34 | Tủ đựng tài liệu Inox 4 tầng (Sờ cấp)                                      |  |  | Cái | 1  |  |  | 7.985.000 |  |  |  |
| 35 | Tủ sắt đựng tài liệu 8 ngăn - Hòa phát                                     |  |  |     | 1  |  |  | 3.200.000 |  |  |  |
| 36 | Máy in Canon 2900                                                          |  |  | Cái | 1  |  |  | 2.300.000 |  |  |  |
| 37 | Máy in Brother 2250 Dr                                                     |  |  | Cái | 1  |  |  | 3.850.000 |  |  |  |
| 38 | Máy Fax Panasonic KX-FL 612                                                |  |  | Cái | 1  |  |  | 3.500.000 |  |  |  |
| 39 | Bàn để máy vi tính ván ép (0,8 x 1,2m)                                     |  |  | Cái | 1  |  |  | 1.500.000 |  |  |  |
| 40 | Tủ INOX kính 4 tầng đựng tài liệu                                          |  |  | Cái | 1  |  |  | 7.985.000 |  |  |  |
| 41 | Tủ lạnh Panasonic 342L                                                     |  |  | Cái | 1  |  |  | 9.100.000 |  |  |  |
| 42 | Máy In Canon 2900                                                          |  |  | Cái | 1  |  |  | 2.300.000 |  |  |  |
| 43 | Dụng cụ hàn miệng bì (sơn sắt tĩnh điện - Đài Loan)                        |  |  | Cái | 1  |  |  | 3.300.000 |  |  |  |
| 44 | Tủ sắt đựng tài liệu 6 ngăn - Hòa phát                                     |  |  | Cái | 1  |  |  | 4.400.000 |  |  |  |
| 45 | Bàn làm việc gỗ xoan đào (1,0 x 1,6m)                                      |  |  | Cái | 1  |  |  | 3.500.000 |  |  |  |
| 46 | Tủ sắt đựng tài liệu 3 tầng sắt kính, dưới 2 hộc - Hòa Phát                |  |  | Cái | 1  |  |  | 3.670.000 |  |  |  |
| 47 | Tủ sắt đựng tài liệu 6 ngăn - Hòa Phát                                     |  |  | Cái | 1  |  |  | 4.400.000 |  |  |  |
| 48 | Invecton - Máy đổi điện và sạc bình Robot                                  |  |  | Cái | 1  |  |  | 950.000   |  |  |  |
| 49 | Dụng cụ hàn miệng chân bì có hút chân không (sắt sơn tĩnh điện - Đài ILoan |  |  | Cái | 1  |  |  | 6.630.000 |  |  |  |
| 50 | Tủ sắt đựng tài liệu 4 ngăn - Hòa Phát                                     |  |  | Cái | 1  |  |  | 4.500.000 |  |  |  |
| 51 | Bàn để máy vi tính ván ép (0,8 x 1,2m)                                     |  |  | Cái | 1  |  |  | 1.500.000 |  |  |  |
| 52 | Tủ đựng tài liệu 8 ngăn - Hòa Phát                                         |  |  | Cái | 1  |  |  | 4.500.000 |  |  |  |
| 53 | Tủ đựng tài liệu gỗ kính nhôm 3, sơn PU                                    |  |  | Cái | 1  |  |  | 5.400.000 |  |  |  |
| 54 | Loa nén Omaton 3 tần P152K                                                 |  |  | Bộ  | 1  |  |  | 6.850.000 |  |  |  |
| 55 | Ghế nhựa vuông màu đỏ                                                      |  |  | Cái | 60 |  |  | 4.800.000 |  |  |  |
| 56 | Thiết bị đo nhiệt độ Testo 926                                             |  |  | Cái | 1  |  |  | 4.725.000 |  |  |  |
| 57 | Tủ sắt đựng tài liệu 4 ngăn - Hòa Phát                                     |  |  | Cái | 1  |  |  | 4.500.000 |  |  |  |
| 58 | Ghế tựa xoay Hòa Phát                                                      |  |  | Cái | 4  |  |  | 1.400.000 |  |  |  |
| 59 | Bàn làm việc gỗ xoan đào, sơn PU (1,0 x 1,6m)                              |  |  | Cái | 1  |  |  | 3.500.000 |  |  |  |
| 60 | Ghế tựa Inox 6 song có bọc đệm đợt 1                                       |  |  | Cái | 2  |  |  | 560.000   |  |  |  |
| 61 | Tủ sắt đựng tài liệu 4 ngăn - Hòa Phát                                     |  |  | Cái | 1  |  |  | 4.500.000 |  |  |  |
| 62 | Bàn làm việc gỗ xoan đào N3, sơn PU (1,0 x 1,6m)                           |  |  | Cái | 1  |  |  | 3.500.000 |  |  |  |
| 63 | Ghế tựa xoay Hòa Phát                                                      |  |  | Cái | 1  |  |  | 350.000   |  |  |  |
| 64 | Tủ đựng tài liệu bằng gỗ N3, sơn PU                                        |  |  | Cái | 1  |  |  | 4.200.000 |  |  |  |
| 65 | Tủ sắt đựng tài liệu 3 tầng kính, dưới 2 hộc - Hòa Phát                    |  |  | Cái | 1  |  |  | 3.670.000 |  |  |  |
| 66 | Bàn Giám đốc gỗ N3, sơn PU                                                 |  |  | Cái | 1  |  |  | 6.200.000 |  |  |  |
| 67 | Điện thoại để bàn                                                          |  |  | Cái | 1  |  |  | 300.000   |  |  |  |
| 68 | Máy Cset đĩa Sony CDF-S70CP                                                |  |  | Cái | 1  |  |  | 3.400.000 |  |  |  |
| 69 | Míc Cro không dây U920                                                     |  |  | Bộ  | 1  |  |  | 4.200.000 |  |  |  |
| 70 | Tủ sắt đựng tài liệu, 3 tầng kính, dưới 2 ngăn                             |  |  | Cái | 1  |  |  | 3.670.000 |  |  |  |
| 71 | Ghế tựa xoay Hòa Phát                                                      |  |  | Cái | 1  |  |  | 350.000   |  |  |  |
| 72 | Tủ đựng tài liệu 8 ngăn - Hòa Phát                                         |  |  | Cái | 1  |  |  | 3.000.000 |  |  |  |
| 73 | Ghế tựa niêm Inox 6 song                                                   |  |  | Cái | 1  |  |  | 180.000   |  |  |  |
| 74 | Bàn làm việc gỗ xoan đào nhôm 3, sơn PU (1,0 x 1,6m)                       |  |  | Cái | 1  |  |  | 3.500.000 |  |  |  |
| 75 | Tủ đựng tài liệu gỗ N3, trên kính, sơn PU                                  |  |  | Cái | 1  |  |  | 3.500.000 |  |  |  |
| 76 | Bàn để máy vi tính ván ép (0,8 x 1,2m)                                     |  |  | Cái | 1  |  |  | 500.000   |  |  |  |
| 77 | Quạt cây lớn hiệu SENKO                                                    |  |  | Cái | 1  |  |  | 1.200.000 |  |  |  |
| 78 | Máy in Canon 2900                                                          |  |  | Cái | 1  |  |  | 2.300.000 |  |  |  |

|    |                                                                  |  |  |     |   |  |  |           |  |  |  |
|----|------------------------------------------------------------------|--|--|-----|---|--|--|-----------|--|--|--|
| 79 | Tủ sắt đựng tài liệu, 3 tầng trên kính, dưới 2 ngăn - Hòa Phát   |  |  | Cái | 1 |  |  | 3.670.000 |  |  |  |
| 80 | Tủ sắt đựng tài liệu, 3 tầng kính , dưới 2 ngăn - Hòa Phát       |  |  | Cái | 1 |  |  | 3.670.000 |  |  |  |
| 81 | Quạt cây SENKO                                                   |  |  | Cái | 1 |  |  | 550.000   |  |  |  |
| 82 | Tủ Inox 3 tầng kính phía trên, dưới 2 ngăn bọc Inox đựng dụng cụ |  |  | Cái | 1 |  |  | 4.530.000 |  |  |  |
| 83 | Tủ Inox 3 tầng kính phía trên, dưới 2 ngăn bọc Inox đựng dụng cụ |  |  | Cái | 1 |  |  | 4.530.000 |  |  |  |
| 84 | Máy điều hòa nhiệt độ Misubisi 1,5 ngựa, 2 khối                  |  |  | Cái | 1 |  |  | 9.930.000 |  |  |  |
| 85 | Bộ bàn ghế nệm Sopha gồm 1 ghế băng + 2 ghế đơn + bàn kính       |  |  | Bộ  | 1 |  |  | 6.300.000 |  |  |  |
| 86 | Điện thoại bàn                                                   |  |  | Cái | 1 |  |  | 300.000   |  |  |  |
| 87 | Máy SCan Canon LIDE 220                                          |  |  | Cái | 1 |  |  | 3.600.000 |  |  |  |
| 88 | Máy in Canon LBP 030                                             |  |  | Cái | 1 |  |  | 3.500.000 |  |  |  |
| 89 | Máy Scan canon LIDE 300                                          |  |  | Cái | 1 |  |  | 7.800.000 |  |  |  |
| 90 | Phần mềm quản lý cán bộ                                          |  |  | Cái | 1 |  |  | 7.200.000 |  |  |  |
| 91 | Máy tính để bàn VTB                                              |  |  | Bộ  | 1 |  |  | 8.800.000 |  |  |  |

**DANH MỤC ĐIỀU CHUYỂN TÀI SẢN CÔNG**  
**TỪ CHI CỤC DÂN SỐ SANG CHI CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ DÂN SỐ**  
(Kèm theo Quyết định số: 162/QĐ-SYT ngày 18 tháng 04 năm 2025 của Sở Y tế tỉnh Kon Tum)

| STT                       | Tên TSCĐ / CCDC                                                                                                                                                                                           | Chủng loại | Năm đưa vào sử dụng | Đơn vị tính | Số lượng | Diện tích (m2) |                           | Giá trị theo sổ sách kế toán (đồng) |                                     | Hiện trạng sử dụng | Mục đích sử dụng hiện tại | Ghi chú |
|---------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|---------------------|-------------|----------|----------------|---------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|--------------------|---------------------------|---------|
|                           |                                                                                                                                                                                                           |            |                     |             |          | Đất            | Diện tích sàn sử dụng nhà | Nguyên giá                          | Giá trị còn lại đến ngày 31/12/2024 |                    |                           |         |
| (1)                       | (2)                                                                                                                                                                                                       | (3)        | (4)                 | (5)         | (6)      | (7)            | (8)                       | (9)                                 | (10)                                | (11)               | (12)                      | (13)    |
| <b>A. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH</b> |                                                                                                                                                                                                           |            |                     |             |          |                |                           | <b>18.894.137.679</b>               | <b>14.975.754.598</b>               |                    |                           |         |
| <b>I</b>                  | <b>TRỤ SỞ LÀM VIỆC</b>                                                                                                                                                                                    |            |                     |             |          |                |                           |                                     |                                     |                    |                           |         |
| 1                         | Đất tại địa chỉ                                                                                                                                                                                           |            |                     |             |          |                |                           | <b>14.849.730.000</b>               | <b>14.849.730.000</b>               |                    |                           |         |
| 1.1                       | Quyền sử dụng đất Chi cục Dân số                                                                                                                                                                          |            |                     | Sổ          | 1        | 785,7          |                           | 14.849.730.000                      | 14.849.730.000                      | Sử dụng được       |                           |         |
| 2                         | Nhà                                                                                                                                                                                                       |            |                     |             |          |                |                           | <b>2.632.253.645</b>                | <b>85.568.598</b>                   |                    |                           |         |
| 2.1                       | Nhà bảo vệ Chi cục Dân số                                                                                                                                                                                 | Cấp II     |                     | Cái         | 1        |                | 20                        | 120.095.175                         | 57.648.684                          | Sử dụng được       | Trụ sở làm việc           |         |
| 2.2                       | Nhà để xe ô tô Chi cục Dân số                                                                                                                                                                             | Cấp III    |                     | Cái         | 1        |                | 30                        | 63.454.336                          | 27.919.914                          | Sử dụng được       | Trụ sở làm việc           |         |
| 2.3                       | Nhà làm việc 3 tầng Chi cục Dân số                                                                                                                                                                        | Cấp III    |                     | Cái         | 1        |                | 273                       | 2.448.704.134                       | 0                                   | Sử dụng được       | Trụ sở làm việc           |         |
| 3                         | Vật kiến trúc                                                                                                                                                                                             |            |                     |             |          |                |                           | <b>273.400.945</b>                  | <b>0</b>                            |                    |                           |         |
| 3.1                       | Cổng, tường rào Chi cục Dân số                                                                                                                                                                            |            |                     | Cái         | 1        |                |                           | 245.804.945                         | 0                                   | Sử dụng được       |                           |         |
| 3.2                       | Sân bê tông Chi cục Dân số                                                                                                                                                                                |            |                     | Cái         | 1        |                |                           | 27.596.000                          | 0                                   | Sử dụng được       |                           |         |
| <b>II</b>                 | <b>Máy móc thiết bị</b>                                                                                                                                                                                   |            |                     |             |          |                |                           | <b>464.283.089</b>                  | <b>32.496.000</b>                   |                    |                           |         |
| 1                         | Bộ máy tính để bàn Dell                                                                                                                                                                                   |            | 2019                | Cái         | 1        |                |                           | 12.550.000                          | 0                                   | Sử dụng được       |                           |         |
| 2                         | Bộ máy vi tính để bàn hiệu Dell (I5+ Màn hình 22in)                                                                                                                                                       |            | 05/2021             | Cái         | 1        |                |                           | 14.250.000                          | 2.850.000                           | Sử dụng được       |                           |         |
| 3                         | Bộ máy vi tính để bàn hiệu Dell (I5+ Màn hình 22in)                                                                                                                                                       |            | 05/2021             | Cái         | 1        |                |                           | 14.250.000                          | 2.850.000                           | Sử dụng được       |                           |         |
| 4                         | Bộ máy tính để bàn Dell                                                                                                                                                                                   |            | 07/2019             | Cái         | 1        |                |                           | 12.550.000                          | 0                                   | Sử dụng được       |                           |         |
| 5                         | Máy tính FPT S91                                                                                                                                                                                          |            | 09/2018             | Cái         | 1        |                |                           | 12.050.000                          | 0                                   | Sử dụng được       |                           |         |
| 6                         | Máy tính FPT S910                                                                                                                                                                                         |            | 09/2018             | Cái         | 1        |                |                           | 12.050.000                          | 0                                   | Sử dụng được       |                           |         |
| 7                         | Bộ máy vi tính FPT, Màn hình 19,5                                                                                                                                                                         |            | 06/2020             | Cái         | 1        |                |                           | 13.140.000                          | 0                                   | Sử dụng được       |                           |         |
| 8                         | Bộ máy vi tính FPT, Màn hình 19,5                                                                                                                                                                         |            | 06/2020             | Cái         | 1        |                |                           | 13.140.000                          | 0                                   | Sử dụng được       |                           |         |
| 9                         | Bộ máy vi tính FPT, Màn hình 19,5                                                                                                                                                                         |            | 06/2020             | Cái         | 1        |                |                           | 13.140.000                          | 0                                   | Sử dụng được       |                           |         |
| 10                        | Máy vi tính để bàn + Maind board H61 + CPU core i3 2130 (3.4Ghz)+ Ram DDRIII 4Gb+ HDD 500 Gb + LCD DELL 19"                                                                                               |            | 12/2012             | Cái         | 1        |                |                           | 17.000.000                          | 0                                   | Sử dụng được       |                           |         |
| 11                        | Máy chủ System x3100M4 Quad-Core E3-1220v2 3.1Ghz/4GB/DVD Processor : Intel® Xeon 4C E3-1220v2 69W<br>3.1GHz/1600MHz/8MB Memory : 4GB PC3-10600E UDIMMs DDR3 1/4 (Max: 32GB)Màn Hình ARCHTEX 17 in Vuông. |            | 2013                | Cái         | 1        |                |                           | 52.100.000                          | 0                                   | Hỏng               |                           |         |
| 12                        | Máy vi tính màn hình LCD17 in                                                                                                                                                                             |            | 10/2009             | Cái         | 1        |                |                           | 12.360.000                          | 0                                   | Sử dụng được       |                           |         |
| 13                        | Máy vi tính tiêu chuẩn cấu hình III ( Thanh đang sử dụng)                                                                                                                                                 |            | 10/2009             | Cái         | 1        |                |                           | 11.280.000                          | 0                                   | Sử dụng được       |                           |         |
| 14                        | Máy vi tính hiệu GiGaByte CPU: Intel CoreTM i3 Ghz) Ram 4GB Màn hình Dell 17 in                                                                                                                           |            | 07/2012             | Cái         | 1        |                |                           | 15.150.000                          | 0                                   | Sử dụng được       |                           |         |

|            |                                                                                                                                                                                                                                          |          |         |       |    |  |  |                    |                  |              |                     |                |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|---------|-------|----|--|--|--------------------|------------------|--------------|---------------------|----------------|
| 15         | Máy tính xách tay Dell Inspiron 15 3511 (Công nghệ CPU : 11th Generation Intel®Core i3-1115G4),, Màn hình 15,6inch                                                                                                                       |          | 05/2022 | Cái   | 1  |  |  | 14.840.000         | 5.936.000        | Sử dụng được |                     |                |
| 16         | Máy tính xách tay Dell Inspiron 15 3511 (Công nghệ CPU : 11th Generation Intel®Core i3-1115G4),, Màn hình 15,6inch                                                                                                                       |          | 05/2022 | Cái   | 1  |  |  | 14.840.000         | 5.936.000        | Sử dụng được |                     |                |
| 17         | Máy tính xách tay Dell Inspiron 15 3511 (Công nghệ CPU : 11th Generation Intel®Core i3-1115G4),, Màn hình 15,6inch                                                                                                                       |          | 05/2022 | Cái   | 1  |  |  | 14.840.000         | 5.936.000        | Sử dụng được |                     |                |
| 18         | Máy vi tính xách tay Dell XPS                                                                                                                                                                                                            |          | 11/2023 | Cái   | 1  |  |  | 14.980.000         | 8.988.000        | Sử dụng được |                     |                |
| 19         | Máy vi tính xách (Laptop) tay dùng để tập huấn nghiệp vụ chuyên môn và đi công tác cơ sở:+ Laptop SONY SVE 11 - 113 FX (Xanh, Trắng)CPU:AMDE2_1800 1.7GHZ+ Hdd: 500gb+ Ram: 4gb+ VGA:HD7340+ MoniTor: 11.6”+ Pin: 6 CELLS+ Weight: 1,6KG |          | 12/2012 | Cái   | 1  |  |  | 22.150.000         | 0                | Sử dụng được |                     |                |
| 20         | Máy phô tô copy KONICA MINOLTA BIZHUB 287                                                                                                                                                                                                |          | 05/2017 | Cái   | 1  |  |  | 80.000.000         | 0                | Sử dụng được |                     |                |
| 21         | Máy chiếu PaNaSoNic                                                                                                                                                                                                                      |          | 05/2005 | Cái   | 1  |  |  | 36.500.000         | 0                | Sử dụng được |                     |                |
| 22         | Ti vi Led SamSung Mẫu 32 Inch sản xuất tại Việt Nam                                                                                                                                                                                      |          | 01/2013 | Cái   | 1  |  |  | 13.223.089         | 0                | Sử dụng được |                     |                |
| 23         | FortiNet FortiGate FG-60D Bundle Security Appliance                                                                                                                                                                                      |          | 10/2013 | Cái   | 1  |  |  | 27.900.000         | 0                | Sử dụng được |                     |                |
| <b>III</b> | <b>Tài sản cố định hữu hình khác</b>                                                                                                                                                                                                     |          |         |       |    |  |  | <b>654.570.000</b> | <b>0</b>         |              |                     |                |
| 1          | Xe máy                                                                                                                                                                                                                                   |          |         |       |    |  |  |                    |                  |              |                     |                |
| 1,1        | Xe máy FuTuNe 125 Cm2                                                                                                                                                                                                                    |          | 2008    | Chiếc | 1  |  |  | 26.070.000         | 0                | Sử dụng được | huong tiện đường bộ |                |
| 2          | Xe ô tô                                                                                                                                                                                                                                  |          |         |       |    |  |  |                    |                  |              |                     |                |
| 2,1        | Xe bán tải hiệu FORANGER                                                                                                                                                                                                                 | Xe 5 chỗ | 2008    | Chiếc | 1  |  |  | 628.500.000        | 0                | Sử dụng được | Xe chuyên dùng      | ị ban hành Quy |
| <b>IV</b>  | <b>Tài sản cố định vô hình (ngoài giá trị quyền sử dụng đất)</b>                                                                                                                                                                         |          |         |       |    |  |  |                    |                  |              |                     |                |
| 1          | Phần mềm ứng dụng                                                                                                                                                                                                                        |          |         |       |    |  |  | <b>19.900.000</b>  | <b>7.960.000</b> |              |                     |                |
| 1,1        | Phần mềm quản lý tiền lương MISA SalaGov                                                                                                                                                                                                 |          | 2022    | PM    | 1  |  |  | 19.900.000         | 7.960.000        |              |                     |                |
|            | <b>B. CÔNG CỤ DỤNG CỤ</b>                                                                                                                                                                                                                |          |         |       |    |  |  | <b>300.468.000</b> | <b>0</b>         |              |                     |                |
| 1          | Âm ly Ariang 203                                                                                                                                                                                                                         |          |         | Cái   | 1  |  |  | 3.150.000          |                  | Sử dụng được |                     |                |
| 2          | Chân treo loa                                                                                                                                                                                                                            |          |         | Cái   | 1  |  |  | 420.000            |                  | Sử dụng được |                     |                |
| 3          | Đầu Aring 5 số                                                                                                                                                                                                                           |          |         | Cái   | 1  |  |  | 3.000.000          |                  | Sử dụng được |                     |                |
| 4          | Loa Ariang Jant 3                                                                                                                                                                                                                        |          |         | Cái   | 1  |  |  | 3.000.000          |                  | Sử dụng được |                     |                |
| 5          | Micro không dây 1 Tuner                                                                                                                                                                                                                  |          |         | Cái   | 1  |  |  | 1.350.000          |                  | Sử dụng được |                     |                |
| 6          | Bàn họp gỗ hương hội trường tầng 3                                                                                                                                                                                                       |          |         | Cái   | 32 |  |  |                    |                  | Sử dụng được |                     |                |
| 7          | Phần mềm kế toán                                                                                                                                                                                                                         |          |         | PM    | 1  |  |  | 9.800.000          |                  | Sử dụng được |                     |                |
| 8          | Bộ Bàn kèm theo ghế họp hình bầu dục (Phòng giao ban sáng)                                                                                                                                                                               |          |         | Bộ    | 1  |  |  | 8.400.000          |                  | Sử dụng được |                     |                |
| 9          | Bàn làm việc gỗ hương (bàn để máy vi tính + máy fax)                                                                                                                                                                                     |          |         | Cái   | 1  |  |  | 900.000            |                  | Sử dụng được |                     |                |
| 10         | Bàn làm việc gỗ hương                                                                                                                                                                                                                    |          |         | Cái   | 2  |  |  | 1.800.000          |                  | Sử dụng được |                     |                |
| 11         | Bàn làm việc gỗ ép (Hòa)                                                                                                                                                                                                                 |          |         | Cái   | 1  |  |  | 450.000            |                  | Sử dụng được |                     |                |
| 12         | Bàn làm việc                                                                                                                                                                                                                             |          |         | Cái   | 1  |  |  | 850.000            |                  | Sử dụng được |                     |                |
| 13         | Bàn ghế làm việc                                                                                                                                                                                                                         |          |         | Cái   | 1  |  |  | 5.000.000          |                  | Sử dụng được |                     |                |
| 14         | Bàn làm việc gỗ ép                                                                                                                                                                                                                       |          |         | Cái   | 1  |  |  | 400.000            |                  | Sử dụng được |                     |                |
| 15         | Bàn làm việc bằng sắt ( CCT)                                                                                                                                                                                                             |          |         | Cái   | 1  |  |  | 5.000.000          |                  | Sử dụng được |                     |                |

|    |                                                                                             |  |     |   |  |            |              |  |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------|--|-----|---|--|------------|--------------|--|
| 16 | Bàn tiếp khách bằng gỗ 1,6x0,8x0,75m                                                        |  | Cái | 1 |  | 9.500.000  | Sử dụng được |  |
| 17 | Điều hoà NaGaKAWa 1 chiều (1.5 ngựa)                                                        |  | Cái | 1 |  | 6.675.000  | Sử dụng được |  |
| 18 | Điều hoà NaGaKAWa 1 chiều (1.5 ngựa)                                                        |  | Cái | 1 |  | 6.675.000  | Sử dụng được |  |
| 19 | Điều hoà NaGaKAWa 1 chiều (1.5 ngựa)                                                        |  | Cái | 1 |  | 6.675.000  | Sử dụng được |  |
| 20 | Điều hoà NaGaKAWa 1 chiều (1.5 ngựa)                                                        |  | Cái | 1 |  | 6.675.000  | Sử dụng được |  |
| 21 | Điện thoại bàn                                                                              |  | Cái | 1 |  | 275.000    | Hồng         |  |
| 22 | Điện thoại bàn (Chỉ cục trưởng)                                                             |  | Cái | 1 |  | 250.000    | Sử dụng được |  |
| 23 | Điện thoại bàn                                                                              |  | Cái | 1 |  | 250.000    | Sử dụng được |  |
| 24 | Điện thoại bàn                                                                              |  | Cái | 2 |  | 500.000    | Hồng         |  |
| 25 | Ghế xoay loại lớn                                                                           |  | Cái | 1 |  | 400.000    | Hồng         |  |
| 26 | Ghế xoay loại lớn (Lệ)                                                                      |  | Cái | 1 |  | 400.000    | Sử dụng được |  |
| 27 | Ghế xoay                                                                                    |  | Cái | 1 |  | 400.000    | Sử dụng được |  |
| 28 | Kệ kho thuốc tránh thai dài 3,3m, cao 2,3m rộng 0,5m                                        |  | Cái | 1 |  | 6.600.000  | Sử dụng được |  |
| 29 | Kệ kê thuốc tránh thai (kho thuốc)                                                          |  | Cái | 1 |  | 2.100.000  | Sử dụng được |  |
| 30 | Kệ sắt kích thước 1,9m x 1,5 m x 0,45m (kho thuốc)                                          |  | Cái | 1 |  | 4.500.000  | Sử dụng được |  |
| 31 | Máy lạnh 09 (01 ngựa 9000BTU; 1 chiều; 2 khối; máy nền môn - ga R410A) (kho thuốc)          |  | Bộ  | 1 |  | 9.600.000  | Sử dụng được |  |
| 32 | Máy hút âm Electrolux (dung tích 3,5 lit) (kho thuốc)                                       |  | Cái | 1 |  | 7.900.000  | Sử dụng được |  |
| 33 | Máy bơm nước 1 KW                                                                           |  | Cái | 1 |  | 1.030.000  | Sử dụng được |  |
| 34 | Máy in HP Laserjet Pro M404Dn                                                               |  | Cái | 1 |  | 7.750.000  | Sử dụng được |  |
| 35 | Máy in HP Laserjet Pro M404Dn                                                               |  | Cái | 1 |  | 7.750.000  | Sử dụng được |  |
| 36 | Máy in Canon 1210                                                                           |  | Cái | 1 |  | 3.420.000  | Hồng         |  |
| 37 | Máy ảnh kỹ thuật số hiệu Sô Ny                                                              |  | Cái | 1 |  | 9.550.000  | Sử dụng được |  |
| 38 | Máy in canon 3300                                                                           |  | Cái | 1 |  | 3.900.000  | Sử dụng được |  |
| 39 | Máy in Canon LBP 3300; Bộ nhớ 8MB; cổng giao tiếp USB; Tốc độ in 21PPM; độ phân giải 600dpi |  | Cái | 1 |  | 7.000.000  | Sử dụng được |  |
| 40 | Máy lọc nước Hydrogen Empire Nóng - Ngươi - EPML062                                         |  | Cái | 2 |  | 18.400.000 | Sử dụng được |  |
| 41 | Máy vi tính tiêu chuẩn cấu hình II                                                          |  | Cái | 1 |  | 6.500.000  | Sử dụng được |  |
| 42 | Ôn áp 2KW TiDiCo                                                                            |  | Cái | 1 |  | 2.500.000  | Sử dụng được |  |
| 43 | Bộ bàn ghế Sa lon nệm                                                                       |  | Bộ  | 1 |  | 3.200.000  | Sử dụng được |  |
| 44 | Tủ đựng tài liệu                                                                            |  | Cái | 1 |  | 6.000.000  | Sử dụng được |  |
| 45 | Tủ đựng tài liệu                                                                            |  | Cái | 1 |  | 3.000.000  | Sử dụng được |  |
| 46 | Tủ tài liệu gỗ thường                                                                       |  | Cái | 1 |  | 450.000    | Sử dụng được |  |
| 47 | Tủ tài liệu gỗ thường                                                                       |  | Cái | 1 |  | 450.000    | Sử dụng được |  |
| 48 | Ti vi SoNy                                                                                  |  | Cái | 1 |  | 5.850.000  | Sử dụng được |  |
| 49 | Ty vi                                                                                       |  | Cái | 1 |  | 5.850.000  | Sử dụng được |  |
| 50 | Tủ lạnh Deawoo                                                                              |  | Cái | 1 |  | 1.850.000  | Sử dụng được |  |
| 51 | Tủ sắt đựng tài liệu                                                                        |  | Cái | 1 |  | 3.500.000  | Sử dụng được |  |
| 52 | Tủ tài liệu sắt 06 hộc có khóa                                                              |  | Cái | 1 |  | 5.000.000  | Sử dụng được |  |
| 53 | Tủ sắt khóa số (CCT)                                                                        |  | Cái | 1 |  | 5.000.000  | Sử dụng được |  |
| 54 | Kệ sắt kích thước 1,9m x 2,05m x 0,45m (kho thuốc )                                         |  | Cái | 1 |  | 5.500.000  | Sử dụng được |  |
| 55 | Tủ sắt không khóa số ( CCT)                                                                 |  | Cái | 1 |  | 5.000.000  | Sử dụng được |  |
| 56 | Tủ trưng bày sản phẩm truyền thông                                                          |  | Cái | 1 |  | 900.000    | Sử dụng được |  |
| 57 | Tủ tài liệu gỗ ép                                                                           |  | Cái | 1 |  | 3.500.000  | Sử dụng được |  |

|    |                                                 |  |  |     |     |  |  |           |  |              |  |  |
|----|-------------------------------------------------|--|--|-----|-----|--|--|-----------|--|--------------|--|--|
| 58 | Tủ tài liệu gỗ ép                               |  |  | Cái | 1   |  |  | 3.500.000 |  | Sử dụng được |  |  |
| 59 | Tủ tài liệu gỗ hương                            |  |  | Cái | 1   |  |  | 850.000   |  | Sử dụng được |  |  |
| 60 | Tủ sắt đựng tài liệu                            |  |  | Cái | 1   |  |  | 6.000.000 |  | Sử dụng được |  |  |
| 61 | Ghế gỗ Hương                                    |  |  | Cái | 104 |  |  |           |  | Sử dụng được |  |  |
| 62 | Loa tuyên truyền                                |  |  | Cái | 1   |  |  | 2.000.000 |  | Sử dụng được |  |  |
| 63 | Máy in Canon LBP 214 DW                         |  |  | Cái | 1   |  |  | 5.568.000 |  | Sử dụng được |  |  |
| 64 | Canon LBP 214DW in 2 mặt                        |  |  | Cái | 1   |  |  | 6.579.000 |  | Sử dụng được |  |  |
| 65 | Máy in Canon LBP 214 DW                         |  |  | Cái | 1   |  |  | 5.568.000 |  | Sử dụng được |  |  |
| 66 | Máy in Canon LBP 214 DW                         |  |  | Cái | 1   |  |  | 5.568.000 |  | Sử dụng được |  |  |
| 67 | Máy in Canon LBP252dw (in 2 mặt mạng + wifi)    |  |  | Cái | 1   |  |  | 7.280.000 |  | Sử dụng được |  |  |
| 68 | Máy in Canon LBP252dw (in 2 mặt mạng + wifi)    |  |  | Cái | 1   |  |  | 7.280.000 |  | Sử dụng được |  |  |
| 69 | Máy in Canon LBP 252 dw (in 2 mặt , mạng, wifi) |  |  | Cái | 1   |  |  | 7.280.000 |  | Sử dụng được |  |  |
| 70 | Quạt                                            |  |  | Cái | 1   |  |  | 1.500.000 |  | Sử dụng được |  |  |
| 71 | Quạt cây                                        |  |  | Cái | 1   |  |  | 1.500.000 |  | Sử dụng được |  |  |
| 72 | Tủ lạnh                                         |  |  | Cái | 1   |  |  | 3.950.000 |  | Sử dụng được |  |  |
| 73 | Điện thoại để bàn                               |  |  | Cái | 1   |  |  | 300.000   |  | Sử dụng được |  |  |



/ết định